TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **302/2026/HS-ST**
Ngày: 19/6/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Diệu Tuyến

2. Ông Đặng Đình Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 188/2026/HSST ngày 11/3/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2026/QĐXXST-HS ngày 23/3/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2026/HSST-QĐ ngày 21/4/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2026/HSST-QĐ ngày 19/5/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2026/HSST-QĐ ngày 03/6/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Tài D**; giới tính: Nam; sinh năm 1991 tại thành phố Hà Nội; Nơi đăng ký thường trú: P V đường Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không có; Con ông Nguyễn Đức T và bà Đỗ Thị T1; Vợ là bà Đỗ Hoàng N, có 01 con sinh năm 2020; Tiền án: Không có; Tiền sự: Không có.

Bị tạm giữ, tạm giam ngày 29/4/2024.

(có mặt)

2. Họ và tên: **Võ Văn T2**; giới tính: Nam; sinh năm 1985 tại Đắk Nông; Nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố E, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không có; Con ông Võ Văn L và bà Ngô Thị N1, chưa có vợ, con; Tiền án: Không có; Tiền sự: Không có.

Bị tạm giữ, tạm giam ngày 29/4/2024.

(có mặt)

3. Họ và tên: **Nguyễn Thị N2**; giới tính: Nữ; sinh năm 1997 tại Thái Bình; Nơi đăng ký thường trú: Khu phố T, xã Đ, thành phố Đ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không có; Họ tên cha (không rõ); Họ tên mẹ Nguyễn Thị T3; Chưa có chồng, con; Tiền án: Không có; Tiền sự: Không có.

Bị tạm giữ, tạm giam ngày 29/4/2024.

(có mặt)

4. Họ và tên: **Trần Văn D1**; giới tính: Nam; sinh năm 1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú: Số A B, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ văn hóa: 02/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không có; Họ tên cha (không rõ) và bà Trần Liên Á (đã chết); Chưa có vợ, con; Tiền án: Không có; Tiền sự: Không có; Nhân thân: Ngày 21/4/2026, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" (theo Bản án số 238/HSST và Quyết định Thi hành án số 1271/2026/QĐ-CA ngày 27/5/2026).

Bị tạm giữ, tạm giam ngày 26/10/2025.

(có mặt)

5. Họ và tên: **Nguyễn Thị Thu T4**; giới tính: Nữ; sinh năm 1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Số A T, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ văn hóa: Không có; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không có; Con ông Nguyễn Văn V (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; bị cáo có chồng (đã ly hôn, có 02 con (sinh năm 2007, sinh năm 2012); Tiền án: Không có; Tiền sự: Không có; Nhân thân: Ngày 20/10/2011, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp giật tài sản", nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/10/2016, đã đóng án phí ngày 09/02/2012; Ngày 21/4/2026, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" (theo Bản án số 238/HSST và Quyết định Thi hành án số 1270/2026/QĐ-CA ngày 27/5/2026).

Bị tạm giữ, tạm giam ngày 26/10/2025.

(có mặt)

6. Họ và tên: **Nguyễn Thị Yến T5**; giới tính: Nữ; sinh năm 1999 tại Bến Tre; Nơi đăng ký thường trú: Số E ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: Số A L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông Nguyễn Văn L1 và bà Huỳnh Thị Kim T6; Chưa có chồng, con; Tiền án: Không có; Tiền sự: Không có.

Bị tạm giữ, tạm giam ngày 15/6/2025.

(có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn T7, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Số A đường Y, phường N, Quận A (nay là phường S), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Số C Ấp B, xã P, huyện N (nay là xã N), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Quốc T8, sinh năm 1958

Nơi cư trú: Số A N, phường T, thành phố T (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Mai Xuân H1, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Số C đường E, khu dân cư T, xã B, huyện B (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Hữu P1, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Số B N, Phường A, quận B (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Lê Thị Mỹ T9, sinh năm 2002

Nơi cư trú: Số C đường E, khu dân cư T, xã B, huyện B (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước (nay là xã P, thành phố Đ).

(Tất cả các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 21 giờ 30 phút ngày 26/4/2024, Công an P3, Quận C tiến hành kiểm tra hành chính tại nhà số A K, Phường I, Quận C (nay là phường N), Thành phố Hồ Chí Minh. Qua kiểm tra phát hiện tại sân nhà có Nguyễn Thị N2, Võ Văn T2, Mai Xuân H1, Nguyễn Anh Đ, Trần Hữu P1, Lê Thị Mỹ T9 có biểu hiện nghi vấn sử dụng ma túy, nên đã làm việc nhanh được biết các đối tượng trên vừa đi xuống từ phòng 101 của căn nhà A K. Sau đó, Công an P3, Quận C tiếp tục kiểm tra hành chính phòng 101, thì phát hiện Nguyễn Tài D có biểu hiện nghi vấn sử dụng ma túy cùng nhau tại nơi ở của D. Đồng thời, tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể xác định D, T2, Như, Đ, P1,T9 và H1 dương tính ma túy, nên Công an phường tiến hành bàn giao người cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 xử lý theo quy định.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét nơi ở của D là tại phòng 101 nhà số A K, Phường I, Quận C (nay là phường N), Thành phố H) thu giữ được 01 dĩa thủy tinh dính chất bột màu trắng, 01 gói nilong dính chất bột màu trắng, 01 chai nhựa chứa một ống hút chứa dung dịch màu nâu, 03 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng và 04 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng dính chất bột màu trắng.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Tài D, Nguyễn Thị N2 và Võ Văn T2 khai nhận như sau: Ngày 26/4/2024, D hẹn T2 đến nhà D tại số A K bàn bạc để lấy lại tiền do bị lừa trong việc mua đất, nên T2 đi cùng với N2 và Đ đến nhà D. Khi đến, D mở tủ lấy 01 gói nylon chứa hàng khay là Ketamine và 01 gói màu đen là nước vui rồi D mở gói nước vui bỏ vào 01 chai nước suối pha thêm nước ngọt Sting vào, riêng gói ma túy thì T2 lấy đĩa thủy tinh bỏ vào lò vi sóng quay nóng và đổ ma túy vào làm nóng rồi cùng D, Đ sử dụng. Như mệt nên nằm trên giường sử dụng điện thoại, không sử dụng ma túy. Khoảng 15 phút sau, D sử dụng xe ô tô hiệu KIA biển số 93A- 41292 của Như để chở T2 và Đ đi gặp H1 tại khu T, huyện B, còn Như ở nhà trông nhà. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, T2, D, Đ và H1 về đến nhà D, thì D rủ H1 lên phòng sử dụng ma túy. Khi lên phòng, D dùng nước vui pha vào chai nước ngọt Sting mời mọi người cùng uống, còn ma túy dạng Ketamine thì còn sẵn trên đĩa, nên tất cả cùng nhau sử dụng được một lúc thì H1 và Đ đi về.

Sau đó, khi sử dụng hết ma túy, thì D nhờ T2 liên hệ Nguyễn Thị Yến T5 (bạn gái của D) xin số người bán ma túy, thì Thông đồng ý rồi gọi điện thoại cho T5 xin số điện thoại người bán ma túy, thì T5 đồng ý. Sau đó, T5 cho Thông số điện thoại của Trần Văn D1 (M) để T2 đặt mua ma túy Ketamine, nhưng T5 không biết T2 mua ma

túy để sử dụng cùng với D, Thông sử dụng với những ai thì T5 không biết. T5 không biết T2 mua bao nhiêu tiền ma túy, không hưởng lợi gì từ việc cung cấp số điện thoại của D1 cho T2, T5 biết D1 bán ma túy vì trước đó qua bạn bè giới thiệu. Sau khi được T5 cung cấp số điện thoại, T2 gọi điện thoại cho D1 đặt mua 2.000.000 đồng tiền ma túy Ketamine, thì khoảng 15 phút sau D1 đến phòng của D giao 01 bịch ma túy Ketamine. T2 thấy ít thì nói lấy thêm ma túy, nhưng D1 nói phải chuyển tiền mới về lấy thêm, nhưng T2 nói nhà ở đây mà lo gì rồi nói D1 cứ về lấy đem qua thì trả tiền luôn. Khoảng 30 phút sau, D1 mang thêm 01 bịch ma túy Ketamine và nói giá 02 lần mua ma túy là 4.000.000 đồng. T2 nói D chuyển tiền mua ma túy, nhưng D nói Ngân hàng của D bị lỗi, nên nói N2 cho mượn số tiền 3.000.000 đồng để chuyển tiền cho người giao ma túy, lát sẽ trả lại tiền mặt cho Như, thì N2 đồng ý và chuyển số tiền 3.000.000 đồng và tài khoản ngân hàng M1 của Nguyễn Thị Thu T4 do D1 cung cấp rồi D đưa cho D1 1.000.000 đồng tiền mặt và đưa D1 xuống cửa ra về. Sau đó, D nói T2 lấy 3.000.000 đồng trong bóp của D trả lại cho N2 rồi D, N2 và T2 tiếp tục sử dụng ma túy Ketamine. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, D, T2 và Như nghỉ ngơi, ngưng sử dụng ma túy, thì Trần Hữu P1 là bạn của D đến chơi. Khoảng 20 giờ 30 cùng ngày, H1 cùng T9 đến nhà D để trả xe, thì D mời T9 sử dụng ma túy, nên cả nhóm gồm D, T2, Đ, Như, T9 cùng sử dụng ma túy và uống nước vui do D pha. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì Công an đến kiểm tra phát hiện và mời tất cả về làm việc.

Về nguồn gốc ma túy Trần Văn D1 bán cho cho nhóm của D: D1 khai là của Nguyễn Thị Thu T4 đi mua lại của người khác nhưng D1 không rõ mua của ai, khi mua được ma túy xong thì T4 về phân chia ra từng bao zip rồi đưa cho D1 đi bán, T4 có kèm theo số tài khoản ngân hàng M2 tên Nguyễn Thị Thu T4 số 868633337979, để khi có ai muốn chuyển tiền thì chuyển vào tài khoản của T4, D1 không có sử dụng tài khoản. Khi bán ma túy xong thì D1 và T4 sẽ ngồi lại với nhau để chia tiền lời. D1 sử dụng số điện thoại 0931836398 để bán ma túy.

Lời khai của D1 phù hợp với lời khai của T4 và các tài liệu do Cơ quan điều tra thu thập thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Tại Kết luận giám định số 5246/KL-KTHS ngày 05/5/2024 của Phòng K Công an Thành phố H (kết luận đối với 01 gói được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Nguyễn Tài D và hình dấu Công an P3, Quận C) kết luận:

- Bụi được ký hiệu mẫu m1 cần giám định (bụi dính trên bề mặt 01 bình thủy tinh) tìm thấy Methamphetamine ở dạng vết, không xác định được khối lượng do mẫu quá ít;

- Bụi được ký hiệu mẫu m2 cần giám định (bụi dính trên bề mặt 01 hộp kim loại) là Cần sa khô xay nhuyễn, không xác định được khối lượng do mẫu quá ít.

Tại Kết luận giám định số 5229/KL-KTHS ngày 24/5/2024 của Phòng K Công an Thành phố H (kết luận đối với 02 hộp giấy được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Nguyễn Tài D và hình dấu Công an P3, Quận C) kết luận:

- Hộp 1:

+ Chất lỏng màu đỏ được ký hiệu mẫu M1 cần giám định (chất lỏng màu đỏ trong 20 ống nhựa) có tổng thể tích 1,8ml, không tìm thấy ma túy;

+ Chất lỏng màu đỏ được ký hiệu mẫu m2 cần giám định (chất lỏng màu đỏ trong 02 ống nhựa đựng trong 01 gói nylon) có tổng thể tích 8,2ml không tìm thấy ma túy;

+ Chất lỏng màu đỏ được ký hiệu mẫu m3 cần giám định (chất lỏng màu đỏ trong 01 ống nhựa) có tổng thể tích 5,0ml, không tìm thấy ma túy.

- Hộp 2:

+ Chất lỏng màu đỏ được ký hiệu mẫu m4 cần giám định (chất lỏng màu đỏ trong 20 ống nhựa) có tổng thể tích 77,0ml không tìm thấy ma túy;

+ Thảo mộc khô được ký hiệu mẫu m5 cần giám định (thảo mộc khô trong 01 gói nylon) có khối lượng 5,1735g là cần sa.

Tại kết luận giám định số 5251/KL-KTHS ngày 06/5/2024 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận đối với 04 gói niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Nguyễn Tài D và hình dấu Công an P3, Quận C xác định:

Gói 1: Chất bột được ký hiệu mẫu m1 cần giám định (chất bột dính trên 01 đĩa thủy tinh) không xác định được khối lượng do mẫu vật quá ít, tìm thấy Ketamine ở dạng vết.

Gói 2: Chất bột màu trắng được ký hiệu mẫu m2 cần giám định (chất bột màu trắng dính trong 01 gói nylon) không xác định được thể tích do mẫu quá ít, tìm thấy Ketamine ở dạng vết.

Gói 3: Dung dịch màu nâu được ký hiệu mẫu M1 cần giám định (dung dịch màu nâu trong 01 chai nhựa chứa 01 ống hút) không xác định được thể tích do mẫu quá ít, tìm thấy Ketamine ở dạng vết.

Gói 4: Chất bột được ký hiệu mẫu M4 cần giám định (chất bột dính trong 04 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng và 03 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng) không xác định được khối lượng do mẫu quá ít, tìm thấy Ketamine ở dạng vết.

Tại Kết luận giám định số 5264/KL-KTHS ngày 06/5/2024 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận đối với H2, lá, cỏ khô được ký hiệu mẫu m, cần giám định bên trong 1 gói nylon được niêm phong bên ngoài có các dấu vân tay, các chữ ký ghi tên Nguyễn Tài D, Mai Xuân H1 và hình dấu Cơ quan CSĐT Công an Q1 xác định: H2, lá, cỏ khô được ký hiệu mẫu m, cần giám định (đã nêu ở mục II) có khối lượng 57,64 g, là Cần sa.

Đối với 01 gói nylon chứa thảo mộc khô có khối lượng 5,1735g là cần sa, thu giữ khi khám xét tại nơi ở của D, do khối lượng ma túy thu giữ không đủ định lượng để xử lý về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", nên Cơ quan điều tra không xử lý về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Đối với Mai Xuân H1: Do P1 khai H1 là người mời P1 sử dụng ma túy nhưng H1 không quen biết P1 do P1 là bạn của D và không thừa nhận việc mời P1 sử dụng ma túy. Ma túy H1 và P1 sử dụng là do D, T2, Như đã mua trước đó, bản thân H1 không thỏa thuận hùn hạp tiền ma túy mà chỉ là người thụ hưởng, H1 cũng không có hành vi cung cấp địa điểm, phương tiện dụng cụ sử dụng ma túy, nên ngoài lời khai của P1, thì không có căn cứ xác định H1 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Đồng thời, H1 khai nhận số cần sa có khối lượng là 57,64 gam là của H1 để trong cốp xe sau của Nguyễn Tài D là của H1, D không biết việc này. Do khối lượng Cần sa không đủ truy cứu trách nhiệm hình sự, nên Công an đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H1. Ngoài ra, do H1 không có nơi cư trú ổn định, nên Cơ quan điều tra bàn giao H1 cho Công an P3, Quận C (nay là phường N), Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Đối với Trần Anh Đ1, Đỗ Thị Mỹ T10, Trần Hữu P1 tham gia sử dụng ma túy với nhóm bị can D. Do các đối tượng được D mời sử dụng ma túy, không tham gia bàn bạc, không hùn tiền cũng như cung cấp phương tiện, thực hiện hành vi đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác. Đồng thời, do có nơi cư trú ổn định nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và chuyển xử phạt hành chính.

Vật chứng vụ án:

- Một gói niêm phong có dấu mộc Công an Phường 9, Quận C, chữ ký ghi tên Nguyễn Tài D và dấu vân tay Nguyễn Tài D, chữ ký ghi tên Đại úy Phạm Huỳnh Minh T11, chữ ký ghi tên Huỳnh Thành A, số 1607 /24 (Hộp 1).

- Một gói niêm phong có dấu mộc Công an Phường 9, Quận C, chữ ký ghi tên Nguyễn Tài D và dấu vân tay Nguyễn Tài D, chữ ký ghi tên Đại úy Phạm Huỳnh Minh T11, chữ ký ghi tên Huỳnh Thành A, số 1607/24 (Hộp 2).

- Bốn gói có niêm phong có dấu mộc Công an Phường 9, Quận C, chữ ký ghi tên Nguyễn Tài D và dấu vân tay Nguyễn Tài D, chữ ký ghi tên Đại úy Võ La Bảo Y, chữ ký ghi tên Trần Xuân D2, số 1623/24.

- Một gói có niêm phong có dấu mộc Công an Phường 9, Quận C, chữ ký ghi tên Nguyễn Tài D và dấu vân tay Nguyễn Tài D, chữ ký ghi tên Mai Xuân H1, chữ ký ghi tên Đại úy Nguyễn Thanh Đ2, chữ ký ghi tên Huỳnh Thanh A1, số 1628/24.

- Một thùng niêm phong có dấu mộc Công an P3, Quận C, chữ ký ghi tên Nguyễn Tài D và dấu vân tay Nguyễn Tài D, chữ ký ghi tên Thiếu tá Phan Tấn Q, chữ ký ghi tên Lê Minh S, số 1618/24.

- Tạm giữ của Nguyễn Tài D:

+ 01 xe ô tô hiệu Audi A5, số khung WAUDK78TX9A034633, số máy CAL029160, biển số: SIL-11141 kèm theo giấy đăng ký xe ô tô biển số SIL-11L41 số 50056504 mang tên Nguyễn Văn T7. Anh T7 làm hợp đồng ủy quyền cho Nguyễn Tài D và giao xe cho D toàn quyền quản lý, sử dụng.

+ 01 xe gắn máy hiệu Honda Lead, số khung: RLHJF790SHZ024719, số máy: JF79E0580371, biển số 59B1-593.85. Qua xác minh, xe do ông Nguyễn Quốc T8 là cha của D đứng tên chủ sở hữu và cho D mượn xe sử dụng làm phương tiện đi lại.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Pro và 01 máy laptop hiệu Macbook là tài sản cá nhân của D.

- Tạm giữ của Nguyễn Thị N2: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax, số seri R4L30D06DX, Như sử dụng điện thoại để chuyển tiền mua ma túy.

- Tạm giữ của Võ Văn T2: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, Thông sử dụng để liên lạc mua ma túy.

- Tạm giữ của Mai Xuân H1: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, số imei 1: 356266768245398, số imei2: 3546266768199488 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone SE, là tài sản cá nhân của H1.

- Tạm giữ của Trần Hữu P1: 01 điện thoại di động hiệu S1 S21 Ultra, là tài sản cá nhân của P1.

- Tạm giữ của Lê Thị Mỹ T9: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, số imei 1: 350321537520922, số imei2: 354032156627058, là tài sản cá nhân của T9.

- Tạm giữ của Nguyễn Anh Đ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, là tài sản cá nhân của Đ.

- Tạm giữ của Nguyễn Thị Yến T5: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax, số imei 1: 356616948762607, số imei2: 356616948286995, là tài sản cá nhân của T5.

Tại Bản cáo trạng số 300/CT-VKSKV1 ngày 04/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Nguyễn Tài D, Võ Văn T2

về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nguyễn Thị N2 về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Trần Văn D1, Nguyễn Thị Thu T4 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nguyễn Thị Yến T5 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Tài D, Võ Văn T2, Nguyễn Thị N2, Trần Văn D1, Nguyễn Thị Thu T4 và Nguyễn Thị Yến T5 có lời khai phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời, bản thân các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, nên xin Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Tài D, Võ Văn T2, Nguyễn Thị N2, Trần Văn D1, Nguyễn Thị Thu T4 và Nguyễn Thị Yến T5 theo Bản cáo trạng số 300/CT-VKSKV1 ngày 04/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo đề nghị tuyên phạt đối với bị cáo D từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù; bị cáo T2 từ 08 (tám) năm đến từ 09 (chín) năm tù, bị cáo N2 từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù, bị cáo D1 từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù; bị cáo T4 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù và bị cáo Thư từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01gói niêm phong có dấu mộc Công an P3, Quận C, chữ ký ghi tên Nguyễn Tài D và dấu vân tay Nguyễn Tài D, chữ ký ghi tên Đại úy Phạm Huỳnh Minh T11, chữ ký ghi tên Huỳnh Thành A, số 1607 /24 (Hộp 1); 01 gói niêm phong có dấu mộc Công an Phường 9, Quận C, chữ ký ghi tên Nguyễn Tài D và dấu vân tay Nguyễn Tài D, chữ ký ghi tên Đại úy Phạm Huỳnh Minh T11, chữ ký ghi tên Huỳnh Thành A, số 1607/24 (Hộp 2); 04 gói có niêm phong có dấu mộc Công an Phường 9, Quận C, chữ ký ghi tên Nguyễn Tài D và dấu vân tay Nguyễn Tài D, chữ ký ghi tên Đại úy Võ La Bảo Y, chữ ký ghi tên Trần Xuân D2, số 1623/24; 01 gói có niêm phong có dấu mộc Công an Phường 9, Quận C, chữ ký ghi tên Nguyễn Tài D và dấu vân tay Nguyễn Tài D, chữ ký ghi tên Mai Xuân H1, chữ ký ghi tên Đại úy Nguyễn Thanh Đ2, chữ ký ghi tên Huỳnh Thanh A1, số 1628/24; 01 thùng niêm phong có dấu mộc Công an P3, Quận C, chữ ký ghi tên Nguyễn Tài D và dấu vân tay Nguyễn Tài D, chữ ký ghi tên Thiếu tá Phan Tấn Q, chữ ký ghi tên Lê Minh S, số 1618/24.

- Trả cho Nguyễn Tài D 01 xe ô tô hiệu Audi A5, số khung WAUDK78TX9A034633, số máy CAL029160, biển số: SIL-11141 kèm theo giấy đăng ký xe ô tô biển số SIL-11L41 số 50056504 mang tên Nguyễn Văn T7, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Pro và 01 máy laptop hiệu Macbook; Trả cho ông Nguyễn Quốc T8 01 xe gắn máy hiệu Honda Lead, số khung: RLHJF790SHZ024719, số máy: JF79E0580371, biển số 59B1-593.85; Trả cho Mai Xuân H1 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, số imei 1: 356266768245398, số imei2: 3546266768199488 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone SE; Trả cho Trần Hữu P1 01 điện thoại di động hiệu S1; Trả cho Lê Thị Mỹ T9 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, số imei 1: 350321537520922, số imei2: 354032156627058 và trả cho Nguyễn Anh Đ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax, số seri R4L30D06DX, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax, số imei 1: 356616948762607, số imei2: 356616948286995.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Qua lời khai của các bị cáo, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Vào ngày 26/4/2024, tại phòng 101 nhà số A K, Phường I, Quận C (nay là phường N), Thành phố Hồ Chí Minh là nơi ở của Nguyễn Tài D, các bị cáo Nguyễn Tài D, Võ Văn T2 và Nguyễn Thị N2 đã có hành vi tổ chức cho nhau và cho Trần Anh Đ1, Mai Xuân H1, Trần Hữu P2 và Đỗ Thị Mỹ T10 sử dụng trái phép chất ma túy. Trong đó, ma túy ban đầu khi D sử dụng với T2, N2 và Đ1 là do D cung cấp, T2 là người chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy rồi cùng D, Đ1 sử dụng. Sau khi sử dụng hết ma túy này, D nói T2 liên hệ mua ma túy, T5 là người giới thiệu T2 với Trần Văn D1 để mua ma túy và Như trả số tiền là 3.000.000 đồng bằng hình thức chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị Thu T4 do D1 cung cấp, D trả cho D1 số tiền là 1.000.000 đồng và D đã trả lại cho Như số tiền 3.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, D, N2 và T2 cung cấp ma túy cho H1, Đ1, P2 và T10 cùng nhau sử dụng ma túy.

Đối với Trần Văn D1 và Nguyễn Thị Thu T4 thỏa thuận mua ma túy người khác, sau đó T4 phân chia ra từng bao zip rồi đưa cho D1 đi bán và Thủy cung C số tài khoản ngân hàng để người mua ma túy chuyển tiền, số tiền lời từ việc bán ma túy, thì D1 và T4 chia nhau sử dụng. Ngày 26/4/2024, T4 và D1 đã bán ma túy cho T2 02 lần, mỗi lần với số tiền là 2.000.000 đồng.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Tài D, Võ Văn T2 đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", thuộc trường hợp "Phạm tội 02 lần trở lên" và "Phạm tội đối với 02 người trở lên", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; hành vi của bị cáo Nguyễn Thị N2 đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", thuộc trường hợp "Phạm tội đối với 02 người trở lên", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; hành vi của bị cáo Trần Văn D1, Nguyễn Thị Thu T4 đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thuộc trường hợp "Phạm tội 02 lần trở lên", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Yến T5 đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện phạm tội đến cùng. Xét trong vụ án này, hành vi của các bị cáo mang tính đồng phạm giản đơn, theo đó hành vi "Tổ chức sử dụng dụng trái phép chất ma túy", bị cáo D và bị cáo T2 là người cung cấp ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy, bị cáo D là người cung cấp địa điểm cho các đối tượng khác cùng sử dụng và bị cáo N2 là người giúp cho việc mua ma túy để cùng nhau tổ chức sử dụng ma túy; hành vi "Mua bán trái phép ma túy" theo đó, bị cáo T4, bị cáo D1 cùng thỏa thuận mua bán ma túy để thu lợi cùng chia nhau. Ngoài ra, bị cáo T5 là người cung cấp số điện thoại của D1 để T2 mua ma túy của D1. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần áp dụng hình phạt tương xứng với từng vai trò, nhân thân của các bị cáo mới đủ sức để răn đe, giáo dục các bị cáo.

Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên khi lượng hình cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Riêng đối với bị cáo T4 và bị cáo D1 đang chấp hành Bản án số 238/HSST ngày 21/4/2026 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nên cần tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hội đồng xét xử xét không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về số tiền do phạm tội mà có: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T4, bị cáo D1 khai nhận số tiền do phạm tội mà có được từ việc mua bán ma túy là 4.000.000 đồng, trong đó bị cáo D1 là 1.000.000 đồng và bị cáo T4 là 3.000.000 đồng, xét đây là số tiền do phạm tội mà có, nên cần buộc bị cáo D1 nộp lại số tiền là 1.000.000 đồng và bị cáo T4 nộp lại số tiền là 3.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 gói niêm phong có dấu mộc Công an Phường 9, Quận C, chữ ký ghi tên Nguyễn Tài D và dấu vân tay Nguyễn Tài D, chữ ký ghi tên Đại úy Phạm Huỳnh Minh T11, chữ ký ghi tên Huỳnh Thành A, số 1607 /24 (Hộp 1); 01 gói niêm phong có dấu mộc Công an Phường 9, Quận C, chữ ký ghi tên Nguyễn Tài D và dấu vân tay Nguyễn Tài D, chữ ký ghi tên Đại úy Phạm Huỳnh Minh T11, chữ ký ghi tên Huỳnh Thành A, số 1607/24 (Hộp 2); 04 gói có niêm phong có dấu mộc Công an Phường 9, Quận C, chữ ký ghi tên Nguyễn Tài D và dấu vân tay Nguyễn Tài D, chữ ký ghi tên Đại úy Võ La Bảo Y, chữ ký ghi tên Trần Xuân D2, số 1623/24; 01 gói có niêm phong có dấu mộc Công an Phường 9, Quận C, chữ ký ghi tên Nguyễn Tài D và dấu vân tay Nguyễn Tài D, chữ ký ghi tên Mai Xuân H1, chữ ký ghi tên Đại úy Nguyễn Thanh Đ2, chữ ký ghi tên Huỳnh Thanh A1, số 1628/24; 01 thùng niêm phong có dấu mộc Công an P3, Quận C, chữ ký ghi tên Nguyễn Tài D và dấu vân tay Nguyễn Tài D, chữ ký ghi tên Thiếu tá Phan Tấn Q, chữ ký ghi tên Lê Minh S, số 1618/24, xét đây là vật cấm tàng trữ, nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe ô tô hiệu Audi A5, số khung WAUDK78TX9A034633, số máy CAL029160, biển số: SIL-11141 kèm theo giấy đăng ký xe ô tô biển số SIL-11L41 số 50056504 mang tên Nguyễn Văn T7. Anh T7 làm hợp đồng ủy quyền cho Nguyễn Tài D và giao xe cho D toàn quyền quản lý, sử dụng, nên Hội đồng xét xử xét cần trả lại

cho bị cáo D, trong trường hợp, nếu có tranh chấp thì sẽ được giải quyết trong vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Lead, số khung: RLHJF790SHZ024719, số máy: JF79E0580371, biển số 59B1-593.85. Qua xác minh, xe do ông Nguyễn Quốc T8 là cha của D đứng tên chủ sở hữu và cho D mượn xe sử dụng để đi lại, nên cần trả lại cho ông T8;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Pro và 01 máy laptop hiệu Macbook, xét đây là tài sản cá nhân của bị cáo D, không liên quan đến việc phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo D.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax, số seri R4L30D06DX, xét bị cáo N2 sử dụng điện thoại này làm phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, xét bị cáo Thông sử dụng điện thoại này làm phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax, số imei 1: 356616948762607, số imei2: 356616948286995, xét bị cáo T5 sử dụng điện thoại này làm phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, số imei 1: 356266768245398, số imei2: 3546266768199488 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone SE, xét đây là điện thoại cá nhân của Mai Xuân H1, không liên quan đến việc phạm tội, nên cần trả lại cho H1.

- 01 điện thoại di động hiệu S1, xét đây là điện thoại cá nhân của Trần Hữu P1 không liên quan đến việc phạm tội, nên cần trả lại cho Trần Hữu P1.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, số imei 1: 350321537520922, số imei2: 354032156627058, xét đây là điện thoại cá nhân của Lê Thị Mỹ T9, không liên quan đến việc phạm tội, nên cần trả lại cho T9.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, xét đây là điện thoại cá nhân của Nguyễn Anh Đ không liên quan đến việc phạm tội, nên cần trả lại cho Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Nguyễn Tài D 08 (tám) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/4/2024.

- Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Võ Văn T2 08 (tám) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/4/2024.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Nguyễn Thị N2 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/4/2024.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 56, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Trần Văn D1 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt 15 (mười lăm) năm tù theo Bản án số 238/2026/HSST ngày 21/4/2026 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 22 (hai mươi hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/10/2025.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 56, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Nguyễn Thị Thu T4 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù theo Bản án số 238/2026/HSST ngày 21/4/2026 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 22 (hai mươi hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/10/2025.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Nguyễn Thị Yến T5 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/6/2025.

- Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Buộc bị cáo T4 nộp lại số tiền là 3.000.000 (ba triệu) đồng và bị cáo D1 nộp lại số tiền là 1.000.000 (một triệu) đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy 01gói niêm phong có dấu mộc Công an P3, Quận C, chữ ký ghi tên Nguyễn Tài D và dấu vân tay Nguyễn Tài D, chữ ký ghi tên Đại úy Phạm Huỳnh Minh T11, chữ ký ghi tên Huỳnh Thành A, số 1607 /24 (Hộp 1); 01 gói niêm phong có dấu mộc Công an Phường 9, Quận C, chữ ký ghi tên Nguyễn Tài D và dấu vân tay Nguyễn Tài D, chữ ký ghi tên Đại úy Phạm Huỳnh Minh T11, chữ ký ghi tên Huỳnh Thành A, số 1607/24 (Hộp 2); 04 gói có niêm phong có dấu mộc Công an Phường 9, Quận C, chữ ký ghi tên Nguyễn Tài D và dấu vân tay Nguyễn Tài D, chữ ký ghi tên Đại úy Võ La Bảo Y, chữ kí ghi tên Trần Xuân D2, số 1623/24; 01 gói có niêm phong có dấu mộc Công an Phường 9, Quận C, chữ ký ghi tên Nguyễn Tài D và dấu vân tay Nguyễn Tài D, chữ ký ghi tên Mai Xuân H1, chữ ký ghi tên Đại úy Nguyễn Thanh Đ2, chữ ký ghi tên Huỳnh Thanh A1, số 1628/24; 01 thùng niêm phong có dấu mộc Công an P3, Quận C, chữ ký ghi tên Nguyễn Tài D và dấu vân tay Nguyễn Tài D, chữ ký ghi tên Thiếu tá Phan Tấn Q, chữ ký ghi tên Lê Minh S, số 1618/24.

Trả lại cho Nguyễn Tài D 01 xe ô tô hiệu Audi A5, số khung WAUDK78TX9A034633, số máy CAL029160, biển số: SIL-11141 kèm theo giấy đăng ký xe ô tô biển số SIL-11L41 số 50056504, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Pro và 01 máy laptop hiệu Macbook.

Trả lại cho ông Nguyễn Quốc T8 01 xe gắn máy hiệu Honda Lead, số khung: RLHJF790SHZ024719, số máy: JF79E0580371, biển số 59B1-593.85.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax, số seri R4L30D06DX, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax, số imei 1: 356616948762607, số imei2: 356616948286995.

Trả lại cho Mai Xuân H1 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, số imei 1: 356266768245398, số imei2: 3546266768199488 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone SE.

Trả lại cho Trần Hữu P1 01 điện thoại di động hiệu S1;

Trả lại cho Lê Thị Mỹ T9 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, số imei 1: 350321537520922, số imei2: 354032156627058;

- Trả lại cho Nguyễn Anh Đ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng ngày 21/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Người tham gia tố tụng vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Bị cáo;
- CA TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 1;
- THADS Khu vực 1;
- Lưu Vp, hồ sơ.



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trần Hồng Loan